

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2021/HS-ST

Ngày 15 – 7 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm

Ông Võ Sĩ Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Châu Long – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 123/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 500/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Võ Tấn T**, tên gọi khác: T bánh ướt; sinh năm: 1994, tại Cà Mau; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khóm C1, phường F, thành phố Cu, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Tạm trú nhà không số, đường H, khóm F, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thành T1 (đã chết) và bà Trần Thị Ngọc M; vợ: Trịnh Thị Tuyết S; con: 03 người (lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án: Không; tiền sự: 01 lần – năm 2019 bị Tòa án nhân dân thành phố C áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 18 tháng theo Quyết định số 255/QĐ-TA ngày 26/11/2019, chấp hành xong quyết định vào tháng 6/2020. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/3/2021 đến ngày 08/4/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Quốc H**, tên gọi khác: Út; sinh năm: 1982, tại Cà Mau; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khóm F, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Khóm F, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần D và bà Nguyễn Thị Nh; vợ: Nguyễn Thị Mỹ X; con: Trần Quốc A, sinh năm: 2003; tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân:

+ Tại bản án số 201/2014/HS-ST ngày 19/9/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố C xử phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật

hình sự 1999. Chấp hành xong hình phạt ngày 29/02/2016, chấp hành xong án phí vào ngày 04/5/2015.

+ Tại bản án số 133/2016/HS-ST ngày 08/9/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố C xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999. Chấp hành xong hình phạt ngày 10/6/2017, chấp hành xong án phí vào ngày 17/11/2016.

Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Bà **Bùi Thị L**, sinh năm: 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Tạm trú tại nhà trọ HT, khóm F, phường F, Tp. C, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Trần D**, sinh năm: 1948. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm F, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2/ Anh **Trịnh Hiếu H1**, sinh năm: 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường NT, khóm G, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 30/3/2021, Võ Tấn T rủ Trần Quốc H tìm tài sản để trộm, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì H đồng ý. H điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 69F6 – 3693 chở T đi đến dãy nhà trọ Huyện Trần thuộc khóm F, phường F, thành phố C, T phát hiện có một phòng trọ đang mở cửa. T xuống xe đi vào trong dãy nhà trọ, H ở ngoài canh đường. T quan sát xung quanh thấy các phòng khác đều đóng cửa, T đi tới phòng trọ số 5 do bà Bùi Thị L đang thuê, nhìn thấy bà L nằm quay mặt vào tường, lưng quay ra ngoài cửa phòng nên T cho H hay tình trạng của bà L. T đi tới đi lui trong dãy nhà trọ nhiều lần, không thấy ai nên T tháo nón bảo hiểm để trên xe, bỏ dép bên ngoài cửa phòng trọ số 5, đi vô phòng, phát hiện một điện thoại di động hiệu Oppo đang để trên gối gần đầu của bà L đang nằm. T dùng tay phải lấy điện thoại nhưng điện thoại bị rút lại nên T dừng lại và đứng đó quan sát nhưng thấy bà L không có phản ứng gì. T tiếp tục lấy điện thoại bà L rồi đi lùi lại nhưng gây ra tiếng động nên bà L phát hiện và truy hô. Khi đó, T cầm điện thoại vừa trộm bỏ chạy ra xe cho H chở về nhà T tại khóm F, phường F, thành phố C. Bà L đuổi theo nhưng không kịp nên đến Công an phường F, thành phố C trình báo sự việc.

Sau khi trộm, H tháo dần áo xe ra để tránh bị hát hiện. T lấy 200.000 đồng trong ốp lưng điện thoại rồi vứt ốp lưng xuống sông, mang điện thoại của bà L đến cầm tại cửa hàng điện thoại H1 Mobile tại khóm G, phường H, thành phố Cà Mau với giá 1.700.000 đồng. T đã tiêu xài 1.300.000 đồng, còn giữ lại 600.000 đồng.

Đến 16 giờ 00 phút cùng ngày, cơ quan Công an mời Võ Tấn T và Trần Quốc H làm việc, tạm giữ của H: 01 xe mô tô biển số kiểm soát 69F6 – 3693; 01 áo sơ mi dài tay, màu đen; 01 quần vải màu đen; 01 nón bảo hiểm màu đen. Tạm giữ của T 01 áo sơ mi dài tay, màu trắng; 01 quần short Jeans màu xanh dương; 01 nón bảo hiểm màu tím; 01 nón kết màu trắng; 01 đôi dép quai ke có ghi chữ Fashion; tiền Việt Nam 600.000 đồng.

Đến 17 giờ 00 phút cùng ngày, cơ quan điều tra đến cửa hàng điện thoại H1 Mobile của anh Trịnh Hiếu H1 tại phường H, thành phố C, tạm giữ 01 điện thoại Oppo A5 2020 của bà L mà T đã cầm tại cửa hàng. Quá trình điều tra, anh H trình bày anh có nhận cầm điện thoại Oppo A5 2020 do Võ Tấn T mang đến nhưng anh không biết điện thoại anh

nhận cầm cố là tài sản do T trộm cắp mà có. Anh không có yêu cầu gì về dân sự trong vụ án này.

Ngày 12/5/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã trả lại bà Bùi Thị L 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5 2020 bà đã bị lấy trộm. Bà L đã nhận lại điện thoại và không có yêu cầu gì thêm.

Ông Trần D trình bày: Xe mô tô biển số 69F6-3693 ông đã mua của người khác nhưng ông không nhớ mua của ai, chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 30/3/2021 H dùng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì ông không biết. Ông yêu cầu nhận lại xe bị tạm giữ.

Tại kết luận định giá tài sản số: 27/KL-HĐĐG ngày 05/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tính vào thời điểm tháng 3/2021, 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A5 2020 màu đen đã qua sử dụng, giá trị còn lại 2.416.667 đồng

Tại Cáo trạng số 122/CT-VKS ngày 17/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo Võ Tấn T và Trần Quốc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử giữ nguyên quyết định truy tố đối với Võ Tấn T và Trần Quốc H theo Cáo trạng số: 122/CT-VKS ngày 17/6/2021 và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Võ Tấn T và Trần Quốc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Võ Tấn T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; Xử phạt bị cáo Trần Quốc H từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi dài tay, màu đen; 01 quần vải màu đen; 01 nón bảo hiểm màu đen của Trần Quốc H; 01 áo sơ mi dài tay, màu trắng; 01 quần short Jeans màu xanh dương; 01 nón bảo hiểm màu tím; 01 nón kết màu trắng; 01 đôi dép quai kẹp có ghi chữ Fashion của Võ Tấn T do các bị cáo không yêu cầu nhận lại. Số tiền Việt Nam 600.000 đồng là tài sản do trộm cắp mà có nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Đề nghị truy thu của bị cáo T số tiền 1.300.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước. Xe mô tô biển số 69F6-3693 của ông Trần D, H dùng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản ông D không hay biết nên đề nghị trả lại xe trên cho ông D.

Tại phiên tòa, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại gì về các hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, về quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng, các Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Theo đó thể hiện: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 30/3/2021, bị cáo Võ Tấn T và Trần Quốc H cùng nhau trộm cắp tài sản của bà Bùi Thị L với tổng giá trị 2.616.667 đồng. Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất an ninh trật tự địa phương, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Khi phạm tội, các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Võ Tấn T là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Trần Quốc H là đồng phạm với vai trò giúp sức do đã chở Võ Tấn T đi tìm tài sản để trộm cắp. Tài sản trộm cắp có tổng giá trị 2.616.667 đồng. Do đó hành vi của các bị cáo cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi một phần trả lại cho bị hại nên gây thiệt hại không lớn. Do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về mức lượng hình: Trong vụ án này bị cáo T là người trực tiếp lấy trộm tài sản, mang tài sản trộm đi cầm cố và sử dụng số tiền có được do phạm tội mà có. Bị cáo T chưa có tiền án. Bị cáo H tham gia với vai trò đồng phạm vì là người dùng phương tiện của người thân H chở bị cáo T đi tìm tài sản để trộm và chở T tẩu thoát. Việc giúp sức của bị cáo H đã tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Bị cáo H còn là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần có hình phạt tương xứng với hành vi, với nhân thân của từng bị cáo, phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo ý thức tôn trọng pháp luật, phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Bên cạnh đó có xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt mà mỗi bị cáo được hưởng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình. Trong vụ án này, giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 2.616.667 đồng, bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm sự, bị cáo H đã từng bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng đã được xóa án tích nên không xem đó là tình tiết để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H. Mức hình phạt viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc. Do đó Hội đồng xét xử xem xét mức án dành cho các bị cáo thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị hại bị mất trộm là điện thoại và tiền Việt Nam 200.000 đồng. Bị hại nhận lại điện thoại và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh Trịnh Hiếu H1 cũng không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo T về số tiền 1.700.000 đồng do anh nhận cầm cố điện thoại Oppo A5 2020 nên không xem xét trong vụ án này.

[6] Đối với số tiền 1.300.000 đồng bị cáo có được từ việc cầm cố tài sản trộm cắp, bị cáo T đã tiêu xài: Viện kiểm sát đề nghị truy thu nộp ngân sách Nhà nước. Xét thấy đây là tiền anh Trịnh Hiếu H1 bị thiệt hại. Bị cáo đã tiêu xài số tiền trên, anh H1 có quyền yêu cầu bị cáo trả lại anh nhưng trong vụ án này anh H không yêu cầu nên không xem xét truy thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng: Xét thấy 01 áo sơ mi dài tay, màu đen; 01 quần vải màu đen; 01 nón bảo hiểm màu đen của Trần Quốc H; 01 áo sơ mi dài tay, màu trắng; 01 quần short Jeans màu xanh dương; 01 nón bảo hiểm màu tím; 01 nón kết màu trắng; 01 đôi dép quai kếp có ghi chữ Fashion của Võ Tấn T không phải là vật chứng, các bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy. 01 xe mô tô biển số 69F6-3693 của ông Trần D, H dùng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản ông D không hay biết nên trả lại xe trên cho ông D. Số tiền Việt Nam 600.000 đồng là tài sản do trộm cắp mà có nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[8] Đối với anh Trịnh Hiếu H1 và chị Võ Thị Thu Th: Anh H1 nhận cầm cố điện thoại di động Oppo A5 2020 do Võ Tấn T mang đến nhưng anh H1 không biết điện thoại anh nhận cầm cố do trộm cắp mà có. Chị Th đi cùng Võ Tấn T đến cửa hàng của anh Trịnh Hiếu H1 nhưng chị không biết T cầm điện thoại do trộm cắp mà có. Do đó không đề cập xử lý chị Th và anh H1 trong vụ án này.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Võ Tấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Xử phạt bị cáo Võ Tấn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/3/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Trần Quốc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Xử phạt bị cáo Trần Quốc H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước tiền Việt Nam 600.000 đồng.
- Tịch thu tiêu hủy của bị cáo Võ Tấn T 01 áo sơ mi dài tay, màu trắng; 01 quần short Jeans màu xanh dương; 01 nón bảo hiểm màu tím; 01 nón kết màu trắng; 01 đôi dép quai kếp có ghi chữ Fashion. Tịch thu tiêu hủy của bị cáo Trần Quốc H 01 áo sơ mi dài tay, màu đen; 01 quần vải màu đen; 01 nón bảo hiểm màu đen.
- Trả lại cho ông Trần D 01 xe mô tô biển số 69F6-3693.

(Các tài sản, vật chứng thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/6/2021).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Võ Tấn Thành, Trần Quốc Hùng mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, ông Trần D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Bùi Thị L, anh Trịnh Hiếu H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- Cơ quan Thi hành án hình sự thành phố C;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố C;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân